

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2020.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ;
Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T - Sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lại Như H - Sinh năm 1991.

ĐKHKTT: Thôn T, xã Đông T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay anh H đang chấp hành án tại Đội 20, phân trại số 2, trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an.

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Thúy trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Lại Như H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/10/2019 tại UBND xã Đông T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở tự nguyện tuy nhiên anh chị chưa tổ chức cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng chưa sống chung cùng nhau ngày nào thì đến ngày 04/10/2019 anh H phải đi chấp hành án. Sau khi anh H đi chấp hành án thì chị T có vào thăm hai lần nhưng sau đó do chị thấy không còn tình cảm với anh H nên chị không vào trại thăm anh H nữa.

Nay, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T khai vợ chồng chị không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, anh Lại Như H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Lại Như H có trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Sau khi anh chị đăng ký kết hôn được một ngày, vợ chồng chưa chung sống với nhau ngày nào thì anh phải đi chấp hành án, đến nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn khởi kiện ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn trước khi đi chấp hành án có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lại Như H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chưa chung sống với nhau ngày nào thì anh H phải đi chấp hành án. Hiện nay anh H vẫn đang chấp hành án tại Đội 20, phân trại số 2, trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an. Sau khi anh H đi chấp hành án thì chị T có vào thăm hai lần nhưng sau đó do chị thấy không còn tình cảm với anh H nên chị không vào trại thăm anh H nữa. Hai bên đều xác định cho đến nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nay chị T làm đơn khởi kiện ly hôn thì anh H cũng đồng ý ly hôn. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện ngày 03/10/2019 anh H và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông T, thành phố Thanh Hóa nhưng chưa tổ chức cưới theo phong tục địa phương vì ngày 04/10/2019 anh H phải đi chấp hành án. Từ ngày anh H đi chấp hành án đến nay, chị T không sinh sống tại

gia đình anh H. Như vậy có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh H.

[4]. Về con chung: Chị T và anh H không có con chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Lại Như H.

Về con chung: Chị T và anh H không có con chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T nộp theo biên lai số AA/2018/0000770 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND xã Đông T, TP Thanh Hóa;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương

